

Bản án số: 38/2024/DS-PT

Ngày: 31/01/2024

V/v tranh chấp đòi quyền sở hữu

Và các quyền khác đối với tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa : Bà Ngô Thị Minh Trang

Các Thẩm phán: Bà Hoàng Thị Thu Hường

Ông Vũ Thế Mạnh

- Thư ký phiên tòa: ông Lương Thế Vinh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang .

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:
bà Mai Thùy Dung – Kiểm sát viên.

Trong ngày 31 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 149/2023/TLPT-DS ngày 09 tháng 10 năm 2023 về việc “*Tranh chấp đòi quyền sở hữu và các quyền khác đối với tài sản*”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 33/2023/DS-ST ngày 14 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo .

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 27/2024/QĐ-PT ngày 19 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Ông Ngô Thanh H, sinh năm 1970;

2. Bà Võ Thị Diễm T, sinh năm 1978;

Cùng địa chỉ: Số H đường N, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

- Bị đơn: Ông Võ Văn L, sinh năm 1958;

Địa chỉ: Số C đường P, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện theo ủy quyền của ông L: bà Nguyễn Thị Hồng N, sinh năm 1984

Địa chỉ: số D M, phường V, TP ., Kiên Giang

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1956;

Địa chỉ: số C Lô C Cư xá T, phường B, Quận B, TP . Hồ Chí Minh.

(Các đương sự có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo các đơn khởi kiện và lời khai trong suốt quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn – ông Ngô Thanh H và bà Võ Thị Diễm T trình bày: Trước đây bà Võ Thị Diễm T cùng sinh sống với ông Võ Văn L và bà Nguyễn Thị H1 (bà T là con chung của ông L và bà H1) tại căn nhà địa chỉ số C, đường P, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang. Đến năm 1997 thì ông L và bà H1 đến thành phố Hồ Chí Minh sinh sống, bà T vẫn ở lại căn nhà này. Năm 2007, bà T lập gia đình với ông Ngô Thanh H và tiếp tục ở lại căn nhà này. Đến năm 2008, thì căn nhà đã xuống cấp, bà T có nói với ông L và bà H1 xin cho sửa chữa lại căn nhà. Được sự đồng ý của ông L và bà H1 nên từ năm 2008 đến năm 2016, vợ chồng bà T, ông H đã tiến hành nâng nền đất, sửa chữa nhà với tổng chi phí tại thời điểm trên là 06 lượng vàng 24k. Khoảng giữa năm 2016, vợ chồng ông L, bà H1 quay về sinh sống cùng nhà với vợ chồng bà T, ông H và tiến hành làm thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tại thời điểm đó các bên phát sinh cự cãi, ông L đuổi vợ chồng bà T, ông H ra khỏi nhà, sự việc này đã được Công an phường V chứng kiến và lập biên bản xử lý. Đến ngày 17/6/2016, Ủy ban nhân dân phường V tiến hành hòa giải tranh chấp giữa các bên nhưng không thành. Sau khi bị ông L đuổi khỏi nhà, vợ chồng bà T, ông H phải sinh sống ở trọ nhiều nơi cho đến nay. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá đã 02 lần tiến hành định giá công trình xây dựng nhà tại địa chỉ số C, đường P, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang. Bà T không đồng ý với kết quả định giá lần 01, ngày 21/3/2017 của Công ty cổ phần B (tổng giá trị được định là 39.303.000 đồng), bà T chỉ thống nhất với kết quả định giá lần 02, ngày 04/7/2017 của Công ty cổ phần B (tổng giá trị được định theo yêu cầu của bà T là 104.089.000 đồng).

Nay bà Võ Thị Diễm T và ông Ngô Thanh H đồng ý giao lại nhà và đất tọa lạc tại địa chỉ số C, đường P, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang cho ông Võ Văn L và bà Nguyễn Thị H1 nhưng với điều kiện ông Võ Văn L và bà Nguyễn Thị H1 phải hoàn trả lại cho bà Võ Thị Diễm T và ông Ngô Thanh H tiền công sửa chữa nhà tương đương với kết quả định giá là 104.089.000 đồng; tiền thuê nhà trọ từ ngày 18/7/2016 đến ngày 08/4/2019 tổng cộng là 51.400.000 đồng (có hợp đồng kèm theo) và tính đến khi xét xử xong vụ kiện, tiền công giữ gìn đất bảo quản tài

sản từ năm 1997 cho đến nay là 70.000.000 đồng; đối với yêu cầu trả số tiền mất thu nhập 36.000.000 đồng bà T đã rút yêu cầu khởi kiện.

- *Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn – ông Võ Văn L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – bà Nguyễn Thị H1 là bà Nguyễn Thị Hồng N trình bày:* Nguồn gốc nhà và đất tọa lạc tại địa chỉ số C, đường P, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang trước đây là của cha mẹ ông Võ Văn L để lại, chưa có giấy chủ quyền. Ông Võ Văn L và bà Nguyễn Thị H1 cùng 04 người con chung là bà Võ Thị Diễm T, Võ Thị Thu H2, Võ Thị Ngọc D, Võ Thị Thu T1 cùng sinh sống tại địa chỉ trên. Đến năm 1997, ông L, bà H1 phải đi thành phố Hồ Chí Minh sinh sống và giao nhà lại cho bà T, bà H2, bà D, bà T1 ở. Khoảng năm 2001 thì bà H2, bà D và bà T1 đến thành phố Hồ Chí Minh sinh sống cùng với ông L, bà H1, căn nhà trên tiếp tục giao cho bà T ở. Đã nhiều lần ông L về sinh sống tại căn nhà tại địa chỉ số C, đường P thì bà T có hành động xua đuổi. Năm 2015, ông L về xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng nhà đất tại địa chỉ trên thì bà T đứng ra ngăn cản và yêu cầu ông L phải trả lại tiền công sửa chữa nhà thì ông L không đồng ý vì bà T chỉ sửa chữa một phần và xây mới nhà vệ sinh. Nay ông Võ Văn L và bà Nguyễn Thị H1 không đồng ý theo yêu cầu của bà Võ Thị Diễm T và ông Ngô Thanh H, ông Võ Văn L và bà Nguyễn Thị H1 chỉ chấp nhận hoàn trả chi phí sửa chữa nhà theo kết quả định giá lần 02, ngày 04/7/2017 của Công ty cổ phần B là 45.855.000 đồng (được định theo yêu cầu của bà H1), không thống nhất theo các yêu cầu còn lại của bà Võ Thị Diễm T và ông Ngô Thanh H.

- *Người làm chứng ông Võ Thành L1 cung cấp nội dung sự việc như sau:* Ông sinh sống tại địa chỉ số C, đường P, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang từ nhỏ tới lớn. Bà Võ Thị Diễm T sinh sống tại địa chỉ số C, đường P, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang từ nhỏ đến giờ, còn ông Ngô Thanh H đến đây sinh sống khoảng năm 2006-2007, ông là hàng xóm láng giềng với vợ chồng bà T, ông H. Căn nhà tại địa chỉ số C, đường P là của mẹ ông Võ Văn L chết để lại cho ông Võ Văn L, sau đó thì gia đình ông L lên Thành phố Hồ Chí Minh sinh sống để lại căn nhà cho bà T ở. Năm 2008, bà T kêu ông sửa chữa nhà, hai bên không có làm hợp đồng hay giấy tờ gì, công trình cụ thể bao gồm các hạng mục: xây mặt tiền nhà trước (còn gọi là mặt cáo), xây mới nhà vệ sinh, nâng nền nhà sau, xây hàng rào mới. Đến năm 2015, bà T yêu cầu ông xây tường dài từ nhà trước ra tới nhà sau, làm phòng ngủ và lợp mái tol thay cho mái lá đã mục. Năm 2016, bà T yêu cầu

ông phá bỏ hàng rào cũ, làm hàng rào mới lại, làm đường thoát nước đặt ống B 100. Vật tư xây dựng các công trình trên là do ông trực tiếp đi đặt, còn tiền thì bà T và ông H chi trả. Trong quá trình thi công, ông không thấy ông L, bà H1 tới lui căn nhà tại địa chỉ số C, đường P.

- Tại các văn bản ngày 22/9/2017 và ngày 23/7/2018, bà Võ Thị Thu H2, bà Võ Thị Ngọc D và bà Võ Thị Thu T1 trình bày ý kiến như sau: Nguồn gốc nhà và đất tọa lạc tại địa chỉ số C, đường P, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang là của cha mẹ chúng tôi là ông Võ Văn L và bà Nguyễn Thị H1, từ khi sinh ra chúng tôi đã ở tại căn nhà này. Vào khoảng năm 1997, do hoàn cảnh gia đình khó khăn, ông L và bà H1 mới lên Thành phố Hồ Chí Minh đi làm thuê, kiếm tiền sinh sống, 04 chị em chúng tôi bao gồm Võ Thị Diễm T, Võ Thị Thu H2, Võ Thị Ngọc D, Võ Thị Thu T1 cùng sinh sống trên căn nhà này. Đến khoảng năm 2001 thì 03 chị em chúng tôi gồm H2, D và T1 mới lên Thành phố Hồ Chí Minh chung sống cùng cha, mẹ, căn nhà trên tiếp tục giao cho bà T ở. Đến năm 2006 thì người con tên D được chồng bảo lãnh đi nước ngoài định cư. Mục đích ông L và bà H1 giao cho bà T chỉ là trông coi và gìn giữ căn nhà trên, mỗi năm dịp lễ, Tết hay dịp hè chúng tôi đều về thăm gia đình và ở tại căn nhà nói trên. Đến năm 2007 thì bà T kết hôn với ông Ngô Thanh H. Theo chúng tôi biết, khoảng năm 2008 thì bà T và ông H mới tiến hành sửa chữa nhà nhưng không hỏi qua ý kiến của cha mẹ hay chị em trong gia đình. Đến khoảng năm 2016 thì vợ chồng bà T xảy ra mâu thuẫn với ông L, vợ chồng bà T có ý muốn chiếm căn nhà nên có thái độ hỗn láo và xua đuổi mỗi khi ông L về thăm nhà, sau đó bà T còn đứng ra can ngăn khi ông L muốn làm giấy chủ quyền nhà, đất. Chúng tôi thiết nghĩ căn nhà trên là tài sản của cha mẹ chúng tôi do ông, bà chết để lại, bà T chỉ là con sinh sống nhờ trên căn nhà này, không có quyền hạn hay định đoạt gì. Trong thời gian sinh sống, bà T và ông H có bỏ tiền ra sửa chữa căn nhà, chúng tôi cũng thống nhất với ý kiến của ông L và bà H1 là chỉ đồng ý trả lại tiền sửa chữa nhà theo giá của công ty thẩm định giá, ngoài ra không đồng ý trả bất cứ khoản tiền nào khác theo yêu cầu của bà T. Chúng tôi không có bất cứ tranh chấp gì khác liên quan đến vụ án.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 33/2023/DS-ST ngày 14/6/2023, TAND thành phố Rạch Giá tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Diễm T và ông Ngô Thanh H. Buộc ông Võ Văn L và bà Nguyễn Thị H1 hoàn trả chi phí sửa chữa nhà cho bà T và ông H với số tiền là 45.855.000 đồng (bốn mươi lăm triệu, tám trăm

năm mươi lăm nghìn đồng); tiền giữ gìn, bảo quản tài sản là 35.000.000 đồng (ba mươi lăm triệu đồng).

2. Bác yêu cầu khởi kiện của bà T và ông H đối với chi phí sửa chữa nhà là 58.234.000 đồng; chi phí tiền thuê nhà trọ là 151.700.000 đồng và một phần tiền công giữ gìn đất, bảo quản tài sản là 35.000.000 đồng, tiền mất thu nhập 36.000.000 đồng.

3. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà T, ông H đối với tiền mất thu nhập.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên chi phí định giá tài sản, án phí và báo quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 26/6/2023 nguyên đơn bà Võ Thị Diễm T có đơn kháng cáo với nội dung: yêu cầu sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn phải trả các khoản chi phí sửa nhà là 104.089.000 đồng, công sức giữ gìn tài sản 70.000.000 đồng, thiệt hại do mất thu nhập 36.000.000 đồng, tiền thuê nhà trọ 151.800.000 đồng. Tổng cộng 361.889.000 đồng.

Ngày 29/6/2023 bị đơn ông Võ Văn L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị H1 có đơn kháng cáo với nội dung: yêu cầu bác đơn khởi kiện của nguyên đơn Võ Thị Diễm T về phần tính công sức giữ gìn nhà đất số tiền, ông L và bà H1 không có trách nhiệm phải trả cho bà T 35.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn Võ Thị Diễm T rút một phần yêu cầu khởi kiện, thay đổi yêu cầu kháng cáo. Yêu cầu ông L và bà H1 phải trả cho bà T và ông H chi phí sửa chữa nhà là 75.000.000 đồng, công sức giữ gìn tài sản là 25.000.000 đồng. Tổng cộng 100.000.000 đồng. Không yêu cầu trả tiền thuê nhà trọ và thiệt hại do mất thu nhập.

Ông Ngô Thanh H không kháng cáo và đồng ý với yêu cầu của bà T tại phiên tòa phúc thẩm.

Bị đơn ông L, bà H1 thay đổi yêu cầu kháng cáo. Chấp nhận trả cho bà T và ông H chi phí sửa chữa nhà là 75.000.000 đồng, công sức giữ gìn tài sản là 25.000.000 đồng. Tổng cộng 100.000.000 đồng

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn Võ Thị Diễm T, Ngô Thanh H với bị đơn ông Võ Văn L, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị H1 thống nhất thỏa thuận việc giải quyết toàn bộ vụ án, cụ thể ông L và bà H1 thống nhất trả cho bà T và ông H chi phí sửa chữa nhà là 75.000.000 đồng, công sức giữ gìn tài sản là 25.000.000 đồng. Tổng cộng 100.000.000 đồng.

Các bên đương sự, người đại diện theo ủy quyền của ông L yêu cầu Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng trong vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm nghị án tại phiên tòa phúc thẩm đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

Về hướng giải quyết vụ án, tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc ông L và bà H1 đồng ý trả cho bà T và ông H chi phí sửa chữa nhà là 75.000.000 đồng, công sức giữ gìn tài sản là 25.000.000 đồng. Tổng cộng 100.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Các đương sự trong vụ án đã được tổng đạt bản án đầy đủ. Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã nhận bản án sơ thẩm và làm đơn kháng cáo trong thời hạn luật định nên kháng cáo hợp lệ.

[2]. Về nội dung

[2.1]. Xét kháng cáo của nguyên đơn bà Võ Thị Diễm T, bị đơn ông Võ Văn L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Hà

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà T rút một phần yêu cầu khởi kiện, thay đổi yêu cầu kháng cáo. Bà T yêu cầu ông L và bà H1 phải trả cho bà T và ông H chi phí sửa chữa nhà là 75.000.000 đồng, công sức giữ gìn tài sản là 25.000.000 đồng. Tổng cộng 100.000.000 đồng. Không yêu cầu trả tiền thuê nhà trọ 157.000.000 đồng và thiệt hại do mất thu nhập 36.000.000 đồng.

Ông Ngô Thanh H đồng ý với yêu cầu của bà T.

Ông Võ Văn L và bà Nguyễn Thị H1 đồng ý trả cho bà T và ông H chi phí sửa chữa nhà là 75.000.000 đồng, công sức giữ gìn tài sản là 25.000.000 đồng. Tổng cộng 100.000.000 đồng.

[2.2]. Do tại phiên tòa các bên đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 300 Bộ luật tố tụng dân sự sửa bản án dân sự sơ thẩm, công nhận sự thỏa

thuận của bà T, ông H với ông L, bà H1. Ông L, bà H1 có trách nhiệm trả cho bà T, ông H chi phí sửa chữa nhà là 75.000.000 đồng, công sức giữ gìn tài sản là 25.000.000 đồng. Tổng cộng 100.000.000 đồng.

[3]. Về án phí: do sửa bản án sơ thẩm, công nhận thỏa thuận của các đương sự nên án phí được tính lại.

- Án phí sơ thẩm:

Bà T, ông H không phải chịu án phí sơ thẩm do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận.

H3 lại bà T, ông H tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 7.675.000 đồng (bảy triệu, sáu trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

Ông L và bà H1 phải chịu án phí sơ thẩm $100.000.000 \times 5\% = 5.000.000$ đồng nhưng được miễn án phí sơ thẩm do ông L, bà H1 là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Án phí phúc thẩm:

Bà T phải chịu án phí phúc thẩm 300.000 đồng. Bà T được khấu trừ 300.000 đồng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0007784 ngày 29/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá, Kiên Giang.

Ông L và bà H1 được miễn án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 300, khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 5 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 33/2023/DS-ST ngày 14 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá tỉnh Kiên Giang.

2. Công nhận sự thỏa thuận của nguyên đơn bà Võ Thị Diễm T, ông Ngô Thanh H với bị đơn ông Võ Văn L, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H1 về việc giải quyết vụ án như sau:

Ông Võ Văn L và bà Nguyễn Thị H1 đồng ý trả cho bà Võ Thị Diễm T và ông Ngô Thanh H chi phí sửa chữa nhà là 75.000.000 đồng (bảy mươi lăm triệu đồng), công sức giữ gìn tài sản là 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng).

Tổng cộng 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng).

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án mà ông L, bà Hà c thực hiện nghĩa vụ trả khoản tiền nói trên thì hàng tháng còn phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự đối với khoản tiền nói trên tương ứng với thời gian chậm trả.

3. Về chi phí định giá: bà Võ Thị Diễm T, ông Ngô Thanh H và ông Võ Võ Văn L, bà Nguyễn Thị H1 cùng chịu chi phí định giá tài sản với số tiền là 1.430.000 đồng, cụ thể là bà T, ông H chịu số tiền 715.000 đồng, ông L, bà H1 chịu số tiền 715.000 đồng. Bà T, ông H đã tạm ứng chi phí định giá 1.430.000 đồng (một triệu, bốn trăm ba mươi nghìn đồng) nên ông L, bà H1 phải hoàn trả cho bà T, ông H số tiền 715.000 đồng (bảy trăm mười lăm nghìn đồng).

4. Về án phí:

- Án phí sơ thẩm:

Bà T, ông H không phải chịu án phí sơ thẩm do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận.

H3 lại bà T, ông H tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 7.150.000 đồng (bảy triệu một trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008858 ngày 19/9/2016 và số tiền 525.000 đồng (năm trăm hai mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004951 ngày 01/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá, Kiên Giang.

Ông L và bà H1 được miễn án phí sơ thẩm do ông L, bà H1 là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí.

- Án phí phúc thẩm:

Bà T phải chịu án phí phúc thẩm 300.000 đồng. Bà T được khấu trừ 300.000 đồng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0007784 ngày 29/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá, Kiên Giang.

Ông L và bà H1 được miễn án phí phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- TAND TP . Rạch Giá, Kiên Giang;
- Chi cục THADS TP . Rạch Giá, Kiên Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Đã ký

Ngô Thị Minh Trang